

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2021/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 15 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Liên bộ Bộ Xây dựng - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-GP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 47/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Khuyến khích áp dụng Quy định này đối với các khu vực ngoài các đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật* là việc các tổ chức, cá nhân bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng (gọi chung là đường dây, cáp); đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng (gọi chung là đường ống) vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. *Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung* là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); cống cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

3. *Tuy nèn kỹ thuật* là công trình ngầm theo tuyến có kích thước lớn đủ để đảm bảo cho con người có thể thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo trì các thiết bị, đường ống kỹ thuật.

4. *Hào kỹ thuật* là công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

5. *Cống cáp* là hệ thống ống, bể cáp để lắp đặt đường dây, cáp ngầm thông tin, viễn thông, cáp truyền dẫn tín hiệu, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng.

6. *Cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung* bao gồm thuyết minh, bản vẽ hoàn công; các dữ liệu về trang thiết bị, các thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và sử dụng chung.

7. *Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung* là một nội dung được quy định trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị nhằm tổ chức không gian xây dựng để xây dựng, lắp đặt, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

8. *Chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung* là các tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quản lý, khai thác vận hành và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 3. Nguyên tắc quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới có trách nhiệm bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng.

4. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

5. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định.

6. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các quy định về kỹ thuật; bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành.

7. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư, ban quản lý khu kinh tế tỉnh, đơn vị quản lý vận hành và sử dụng trong quản lý, xây dựng và sử dụng chung công trình Hạ tầng kỹ thuật đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quy hoạch

1. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là một nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Yêu cầu đối với công tác quy hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 14, Luật Xây dựng năm 2014; Điều 6, Luật Quy hoạch đô thị ngày 15/7/2020; Điều 7, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Đối với các khu vực chưa có quy hoạch hoặc chưa có quy định trong đồ án quy hoạch được duyệt, khi đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương.

3. Đối với các dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở, khu chức năng được đầu tư xây dựng mới trong khu vực nội thị tại các đô thị phải quy hoạch và xây dựng đường dây, cáp và đường ống đi ngầm (không bao gồm các đoạn cắt ngang sông, suối, ao, hồ). Trường hợp đường dây, cáp và đường ống không bố trí đi ngầm phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương.

Điều 5. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Chủ đầu tư các dự án khu dân cư, khu đô thị mới, khu chức năng, công trình giao thông đô thị phải đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đảm bảo tính đồng bộ theo đồ án quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bằng nguồn vốn nhà nước khi xây dựng các tuyến đường giao thông mới trên địa bàn hành chính từ hai huyện trở lên.

3. Đối với khu vực đô thị, khu chức năng hiện hữu chưa có công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc sử dụng chung, phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải bảo đảm sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả; kết nối tương thích, đồng bộ và đảm bảo an toàn giữa các công trình.

5. Nguồn vốn đầu tư và chính sách ưu đãi trong đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Yêu cầu đối với khảo sát xây dựng và thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Công tác khảo sát phải thể hiện hiện trạng địa hình, địa chất, thủy văn; hiện trạng và chủ sở hữu các công trình ngầm, nổi hiện có tại khu vực khảo sát và phải bảo

đảm các yêu cầu kỹ thuật về khảo sát được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại công trình, theo khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị.

2. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

a) Phải tuân theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các quy phạm chuyên ngành đối với từng loại công trình và theo khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP.

b) Phải phù hợp với đặc điểm của từng tuyến đường, khu phố và đảm bảo các yêu cầu quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

c) Khi thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên các tuyến đường, phố, các khu dân cư, khu đô thị xây dựng mới phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thì phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Công tác thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 8. Quy định về cấp phép xây dựng, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định.

2. Việc cấp giấy phép xây dựng công trình thực hiện theo các quy định tại khoản 30, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng năm 2020 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Việc cấp giấy phép thi công các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo các quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 9. Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thông báo việc khởi công công trình đến Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, chủ sở hữu các công trình ngầm (nổi) tại khu vực thi công theo quy định tại khoản 1, Điều 20 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP và khoản 38, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng năm 2020 để phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công.

2. Nhà thầu thi công phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho hoạt động bình thường của các tuyến đường dây, đường cáp, đường ống, các công trình ngầm và các công trình khác cũng như bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

Điều 10. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trước khi đưa vào sử dụng

Trước khi đưa công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào khai thác sử dụng phải thực hiện nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng và Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 11. Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Quy định về dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Liên bộ Bộ Xây dựng - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 12. Tổ chức cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường dây, cáp và đường ống đi nổi

1. Việc cải tạo, di chuyển, sắp xếp và hạ ngầm đường dây, cáp và đường ống đi nổi trên đường phố phải tuân thủ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch chuyên ngành; phù hợp kế hoạch hạ ngầm và hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự kết nối với hệ thống hạ tầng sử dụng chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

2. Khi thực hiện cải tạo, sắp xếp, hạ ngầm đường dây, cáp và đường ống đi nổi phải bố trí dấu hiệu nhận biết quy định tại Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật: cống cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; cống ngầm; cầu đường bộ; cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn) thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với các khu vực có hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hiện hữu đáp ứng năng lực sử dụng chung, chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm cho phép các doanh nghiệp khác sử dụng chung để đảm bảo mỹ quan và hiệu quả sử dụng quỹ đất đô thị.

Đối với việc sử dụng chung cột đỡ đường dây điện lực, cột đèn chiếu sáng đô thị và cột treo cáp viễn thông hiện hữu để treo cáp viễn thông thực hiện theo quy định tại Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định treo cáp viễn thông trên cột đỡ đường dây điện lực, cột đèn chiếu sáng đô thị và cột treo cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Đối với các khu vực có hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hiện hữu nhưng không đáp ứng được yêu cầu sử dụng chung, khi có đề nghị sử dụng chung hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, thì các bên phối hợp cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đảm bảo năng lực sử dụng chung; hoặc chủ sở hữu phải có trách nhiệm đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, tạo điều kiện cho việc sử dụng chung.

4. Tại những khu vực được quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư hệ thống cống cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật sử dụng chung. Không xây dựng đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật dùng riêng cho từng doanh nghiệp trên cùng một tuyến.

5. Việc sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành.

Điều 14. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Thực hiện việc bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Mục 2, Chương III, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 15. Cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Dữ liệu về quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm các đề án quy hoạch xây dựng hoặc các đề án quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dữ liệu về hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm các loại bản vẽ hiện trạng và bản vẽ hoàn công xây dựng của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập cho một khu vực của đô thị hoặc toàn đô thị trong đó thể hiện loại công trình, quy mô, vị trí, kích thước và hệ thống đấu nối kỹ thuật của các công trình.

3. Các dữ liệu có liên quan về quản lý xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung:

a) Thông tin về cấp và loại công trình, quy mô và tính chất công trình, thời gian hoàn thành công trình và tình trạng sử dụng;

b) Thông tin về tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của chủ sở hữu công trình;

c) Thông tin về tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ các đơn vị quản lý, vận hành và đơn vị sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do các tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu là các bản vẽ, thuyết minh và dữ liệu đã được số hóa.

Điều 16. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý, vận hành thông qua hợp đồng quản lý, vận hành được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 17. Giá, cơ chế và nguyên tắc kiểm soát giá công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Nguyên tắc xác định giá và quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định tại Điều 18, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương III

PHÂN CẤP, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG ĐÔ THỊ

Điều 18. Phân cấp quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Là chủ sở hữu, quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này), bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do mình quản lý;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Ban quản lý khu kinh tế tỉnh

Là chủ sở hữu, quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do mình quản lý;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

3. Các tổ chức được giao quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho đến khi bàn giao theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng khu dân cư tại đô thị, khu đô thị mới, khu chức năng là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Thỏa thuận về quy hoạch, thiết kế xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong các khu vực chưa có quy hoạch hoặc chưa có quy định trong đồ án quy hoạch được duyệt thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (*trừ các dự án đầu tư thuộc phạm vi do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý*);

c) Cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo thẩm quyền tại Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền các nội dung nêu tại Chương II Quy định này trên địa bàn tỉnh.

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

e) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi UBND tỉnh, Bộ Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành Thông tin và Truyền thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật trang bị điện, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện, Tiêu chuẩn quốc gia về điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị điện lực và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Cung cấp thông tin về hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn công trình giao thông đường bộ và các tài liệu có liên quan khác do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

b) Thỏa thuận, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với công trình được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước hoặc nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý, khai thác theo quy định trên địa bàn tỉnh;

b) Tiếp nhận văn bản thông báo đăng ký giá thuê của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (từ nguồn vốn khác) tại đô thị trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của thông báo đăng ký giá thuê; gửi 01 bản sao (bản photo) thông báo đăng ký giá thuê về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá), Bộ Xây dựng (Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Kinh tế xây dựng), Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông).

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Đề xuất phương án xã hội hóa và việc dùng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng;

c) Đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

7. Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh

a) Lập, phê duyệt kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý. Có trách nhiệm đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bằng nguồn vốn nhà nước khi xây dựng các tuyến đường giao thông mới trên địa bàn mình quản lý;

b) Thỏa thuận về quy hoạch, thiết kế đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong các khu vực chưa có quy hoạch hoặc chưa có quy định trong đồ án quy hoạch được duyệt thuộc thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh;

c) Lập phương án giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại các đô thị do mình quản lý, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo thẩm quyền tại Quy định quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

đ) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý;

e) Thực hiện trách nhiệm của chủ sở hữu, quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

g) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi Sở Xây dựng và UBND tỉnh về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Lập, phê duyệt kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý. Có trách nhiệm đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bằng nguồn vốn nhà nước khi xây dựng các tuyến đường giao thông mới trên địa bàn hành chính của huyện;

b) Lập phương án giá cho thuê các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại các đô thị do mình quản lý, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Thỏa thuận về quy hoạch, thiết kế đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong các khu vực chưa có quy hoạch hoặc chưa có quy định trong đồ án quy hoạch được duyệt thuộc thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo thẩm quyền tại Quy định quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

đ) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý;

e) Thực hiện trách nhiệm của chủ sở hữu, quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

g) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi Sở Xây dựng và UBND tỉnh về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

Điều 21. Quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan.

2. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng các công trình nêu trên thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định liên quan khác; gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP .

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu các văn bản cấp trên được dẫn chiếu trong Quy định này có điều chỉnh, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các nội dung mới sau khi điều chỉnh, bổ sung thay thế đó; trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để được hướng dẫn, giải đáp theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

